

Số: 113/2021/QĐST – HNGĐ

*Phúc Yên, ngày 02 tháng 8 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 140/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu đô thị mới, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng S, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 107 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đăng S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đăng S thỏa thuận để anh Nguyễn Đăng S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2011 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh S tại tổ dân phố K, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc). Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S theo phương thức hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian thực hiện kể từ tháng 8 năm 2021 đến khi các cháu Q, cháu N đã thành niên và có khả năng lao động. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đăng S không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008961 ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện KSND TP.P;
- Chi cục THADS TP.P;
- UBND P.T, TP.P;
- Lưu: HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Lê Anh Vũ**